TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thu Thảo;
Ông Đặng Văn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 01/01/1970;
Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân T, huyện T, tỉnh An Giang.
Nơi cư trú: Tổ 6, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân T, huyện T, tỉnh An Giang.
Nơi cư trú: Tổ 6, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn H1 kết hôn với nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 07/11/2005.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến tháng 01/2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Ông H1 thường xuyên uống rượu say về nhà kiếm chuyện gây gỗ. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Cả hai đã sống ly thân với nhau từ nhiều tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Văn H2, sinh ngày 25/11/1989 và Huỳnh Thị Kim P, sinh ngày 30/7/2005. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông H1 pphải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu H2 đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn H1 trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Kim H vào năm 1988, hôn nhân giữa hai bên là tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 như bà H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến đầu năm 2009 vợ chồng cùng các con đến huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Từ năm 2010 cho đến nay gia đình sinh sống tạm trú (ở nhà trọ) tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tháng 12/2022, bà H về quê ăn Tết rồi quay lên xã T thuê nhà trọ ở riêng, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau. Ông nhiều lần gặp bà H khuyên quay về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Ông cũng không hiểu vì lý do gì bà H đi thuê nhà trọ ở riêng. Bản thân ông cũng có uống rượu, khi say lại có lời nói chửi bới vợ, con. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn như trước, nhưng ông không đồng ý ly hôn và mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau.

Về con chung: Có 02 cháu là Huỳnh Văn H2, sinh ngày 25/11/1989 và Huỳnh Thị Kim Phương, sinh ngày 30/7/2005. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P thì ông cũng đồng ý; tạm thời ông không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu H2 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H1 khai không có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H, cho bà H được ly hôn với ông Huỳnh Văn H1; giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu P có nguyện vọng ở với mẹ, tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do các đương sự đều khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Huỳnh Văn H1, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 6, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn H1 không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hòa giải lần thứ hai, nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do; triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Văn H1 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 07/11/2005; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà H và ông H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà H, ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân ông H1 cũng thừa nhận có uống rượu, khi say lại có lời nói chửi bới vợ, con. Từ tháng 12/2022 cho đến nay hai người đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải lần thứ hai để các đương sự hàn gắn, nhưng ông H1 không hợp tác, chứng tỏ ông H1 bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa hai bên, còn bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Mặc dù ông H1 cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn như trước, ông không đồng ý ly hôn và mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau, nhưng ông cũng không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông H1 có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà H và ông H1 có 02 con chung là Huỳnh Văn H2, sinh ngày 25/11/1989 và Huỳnh Thị Kim P, sinh ngày 30/7/2005. Khi ly hôn, bà

H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; mặc dù ông H1 không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng đồng ý giao cháu P cho bà H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của bà H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu P là được ở với mẹ. Do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Phương cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng cho con do bà H không yêu cầu; ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Huỳnh Văn H2, sinh ngày 25/11/1989 đã thành niên nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông H1 đều khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn pH1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Kim P, sinh ngày 30/7/2005 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Huỳnh Văn H1 không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Huỳnh Văn H2, sinh ngày 25/11/1989 đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H pH1 chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004794 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Giấy CNKH số 110, ngày 07/11/2005);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn